

Số: 214/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 01 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 305/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Huỳnh Hoàng Y, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Số 368D4, ấp A, xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Quang Ngọc B, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Số 94/2D, ấp A, xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: bà Huỳnh Hoàng Y và ông Trần Quang Ngọc B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/5/2011 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/8/2020, bà Y và ông B tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Huỳnh A, sinh ngày: 31/7/2012. Sau khi ly hôn sẽ do bà Huỳnh Hoàng Y trực tiếp nuôi con chung và ông Trần Quang Ngọc B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[3] Về tài sản chung: bà Huỳnh Hoàng Y và ông Trần Quang Ngọc B cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: bà Huỳnh Hoàng Y và ông Trần Quang Ngọc B cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Huỳnh Hoàng Y và ông Trần Quang Ngọc B phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Hoàng Y và ông Trần Quang Ngọc B tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: bà Huỳnh Hoàng Y là người trực tiếp nuôi con chung tên Trần Huỳnh A, sinh ngày: 31/7/2012. Ông Trần Quang Ngọc B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: bà Huỳnh Hoàng Y và ông Trần Quang Ngọc B cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: bà Huỳnh Hoàng Y và ông Trần Quang Ngọc B cùng khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Huỳnh Hoàng Y và ông Trần Quang Ngọc B phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Huỳnh Hoàng Y và ông Trần Quang Ngọc B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012038 ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- UBND xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hoàng Út